TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HẢI CHÂU - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 7 năm 2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - TP ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Lương

Ông Nguyễn Văn Sanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2023/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Trịnh Thu H**, sinh năm 1981; Địa chỉ: 06/01 đường Ch, phường B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Huỳnh Văn U,** sinh năm 1976; Địa chỉ: 06/01 đường Ch, phường B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn – bà Trần Trịnh Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Huỳnh Văn U xây dựng gia đình với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ở nhà cha mẹ chồng tại địa chỉ 06/01 đường Ch phường B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì ông U thường xuyên nhậu nhẹt xay xỉn về đánh đập tôi. Khi con còn nhỏ thì thôi chịu đựng nhưng bây giờ hai con cái đã lớn và trưởng thành nên tôi muốn giải thoát cho bản thân. Tôi và ông U

đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2022 cho đến nay. Nay tôi xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông U.

Về quan hệ con chung: Tôi xác định tôi và ông Huỳnh Văn U có 02 con chung tên Huỳnh Hoài Th, sinh năm 2001 và Huỳnh Hoài Thu Ph, sinh ngày 27/9/2007. Hiện nay, con chung Huỳnh Hoài Thu Ph đang ở cùng ông U nên khi ly hôn tôi có nguyện vọng giao con chung cho ông U trực tiếp nuôi dưỡng, tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Đối với con chung Huỳnh Hoài Th đã trưởng thành nên không đề cập đến.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu TP Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng pháp luật. Đối với bị đơn, kể từ thời điểm thụ lý đến thời điểm trước khi mở phiên tòa đã không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định pháp luật.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử cho bà Trần Trịnh Thu H được ly hôn với ông Huỳnh Văn U; giao con chung tên Huỳnh Hoài Thu Ph, sinh ngày 27/9/2007 cho ông U trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của bà H mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, đối với con chung Huỳnh Hoài Th, sinh năm 2001 đã trưởng thành nên không đề cập đến; về tài sản chung, về nợ chung: không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” giữa nguyên đơn bà Trần Trịnh Thu H đối với bị đơn ông Huỳnh Văn U thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố dụng dân sự.

Bị đơn là ông Huỳnh Văn U đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để xét xử vắng mặt đương sự nói trên.

[2] Về nội dung vụ án: Theo nguyên đơn trình bày thì bà Trần Trịnh Thu H và ông Huỳnh Văn U xây dựng gia đình với nhau vào năm 2001 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ở nhà cha mẹ ông U tại địa chỉ 06/01 đường Ch, phường B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Trong cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bản thân ông U thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn về đánh đập bà H. Bản thân bà H đã cố gắng chịu đựng để tiếp tục xây dựng cuộc sống vợ chồng nhưng đến nay không thể chịu đựng được nữa. Nay bà H xác định tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông U.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Cuộc hôn nhân của bà Trần Trịnh Thu H và ông Huỳnh Văn U là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Đến nay, bà H cho rằng mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không để kéo dài và không còn tình cảm với ông U nữa nên có quyền làm đơn khởi kiện xin ly hôn theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn, từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử ông Huỳnh Văn U đều không có mặt theo triệu tập; thông báo của Toà án, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, không tham gia các phiên hoà giải và cũng không tham gia phiên toà. Qua đó, thể hiện ông U đã không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này, không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Kết quả xác minh tại địa phương cho thấy, vợ chồng bà H và ông U không còn chung sống với nhau tại địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; có kéo dài cuộc hôn nhân này cũng không đem lại kết quả nên cần áp dụng Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Trịnh Thu H là hợp tình hợp lý.

[4] Về quan hệ con chung: Bà Trần Trịnh Thu H trình bày vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Hoài Th, sinh năm 2001 và Huỳnh Hoài Thu Ph, sinh ngày 27/9/2007. Ly hôn, bà H có nguyện vọng giao con chung Huỳnh Hoài Thu Ph, sinh ngày 27/9/2007 cho ông U trực tiếp nuôi dưỡng, bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy hiện nay con chung Huỳnh Hoài Thu Ph, sinh ngày 27/9/2007 đang ở cùng ông U và do ông U trực tiếp nuôi dưỡng; ngoài ra Tòa án tiến hành lấy lời khai tham

khảo ý kiến con chung thì cháu Ph có nguyện vọng được ở cùng ba là ông Huỳnh Văn U; đối với con chung Huỳnh Hoài Th đã trưởng thành nên không đề cập đến. Do vậy nguyện vọng giao con chung Huỳnh Hoài Thu Ph, sinh ngày 27/9/2007 cho ông U trực tiếp nuôi dưỡng, bà H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Bà Trần Trịnh Thu H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Trần Trịnh Thu H trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo luật định.

[8] Xét các đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp và đúng quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 63, 147, 227, 228, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn " của bà Trần Trịnh Thu H đối với ông Huỳnh Văn U.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Trịnh Thu H được ly hôn với ông Huỳnh Văn U.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 10, quyển số 1/2001, ngày 27 tháng 02 năm 2001 của UBND phường Bình Hiên, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng)

2. Về quan hệ con chung: Bà Trần Trịnh Thu H và ông Huỳnh Văn U có 02 con chung là Huỳnh Hoài Th, sinh năm 2001 và Huỳnh Hoài Thu Ph, sinh ngày 27/9/2007.

Giao con chung Huỳnh Hoài Thu Ph, sinh ngày 27/9/2007 cho ông Huỳnh Văn U trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Trần Trịnh Thu H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng); Thời gian cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 10 hàng tháng kể từ tháng 8 năm 2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi về mức cấp dưỡng nuôi con.

Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Trịnh Thu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0007148 ngày 15/02/2023.

Án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ: Bà Trần Trịnh Thu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Ngọc Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Ngọc Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Ngọc Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Ngọc Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**